

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Tô Thị Lợi
- Bà Triệu Thu Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lành Thị D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2024, Bản tự khai ngày 03/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lành Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, ngày 20/8/2014 chị và anh Vi Văn T đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sinh sống tại thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng năm 2020 chị theo chị gái kinh doanh hàng hóa tiêu dùng xa nhà thì hai vợ chồng

nảy sinh mâu thuẫn, anh Vi Văn T thường xuyên rượu chè, bỏ bê gia đình, mỗi khi chị về vợ chồng lại xảy ra cãi vã, anh Vi Văn T thường xuyên mắng chửi, xúc phạm, đánh đập chị. Đến tháng 6 năm 2022 chị về gần nhà làm để tiện chăm sóc gia đình, anh Vi Văn T vẫn không thay đổi, thậm chí còn có quan hệ tình cảm trai gái ngoài luồng, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị vô lý nên chị đã bỏ sang nhà chị gái sống và chính thức ly thân với anh Vi Văn T từ tháng 02/2024 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Vi Văn T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị và anh Vi Văn T có 02 con chung là Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 và Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017. Hiện nay hai con đang ở cùng anh Vi Văn T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vi Nhã Cát T1, anh Vi Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vi Thị Thiên A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Vi Văn T sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần và tổng đạt văn bản theo quy định của pháp luật, các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Vi Văn T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 26/7/2024 anh Vi Văn T đã gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt đến Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc và trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Lành Thị Diễm. Về con chung: Anh và chị Lành Thị D có 02 con chung là Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 và Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017. Khi ly hôn, anh đề nghị là người trực tiếp nuôi cháu Vi Thị Thiên A, chị Lành Thị D là người trực tiếp nuôi cháu Vi Nhã Cát T1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh bận công việc nên không thể đến Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu Vi Thị Thiên A trình bày tại bản tự khai: Cháu hiện đang học lớp 5 Trường tiểu học N, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Công văn số 475/UBND ngày 14/5/2024, Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết từ trước đến nay, Công an xã và Ủy ban nhân dân xã G không nhận được phản ánh, yêu cầu giải quyết vụ việc nào liên quan đến mâu thuẫn, bạo lực gia đình đối với chị Lành Thị D và anh Vi Văn T. Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 và Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017. Hiện nay, chị Lành Thị D đang

đi làm ở Bắc Giang, Bắc Ninh còn anh Vi Văn T công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi, bổ sung nội dung gì. Bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định mối quan hệ tranh chấp; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng; việc thông báo, thành phần, trình tự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát được thực hiện đúng theo Điều 48, Điều 191, Điều 195 đến Điều 198, Điều 203, Điều 204, Điều 208, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lành Thị D, cho chị Lành Thị D được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao cháu Vi Nhã Cát T1 cho chị Lành Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Thị Thiên A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung và cho vay nợ chung: Không có. Đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Lành Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vi Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vi Văn T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 12/3/2024 chị Lành Thị D gửi đơn xin ly hôn với anh Vi Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, ngày 20/8/2014 chị Lành Thị D và anh Vi Văn T đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án chị Lành Thị D trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng năm 2020 chị theo chị gái kinh doanh xa nhà thì hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh Vi Văn T thường xuyên rượu chè, bỏ bê gia đình, mỗi khi chị về vợ chồng lại xảy ra cãi vã, anh Vi Văn T thường xuyên mắng chửi, xúc phạm, đánh đập chị. Đến tháng 6 năm 2022 chị về gần nhà làm để tiện chăm sóc gia đình, anh Vi Văn T vẫn không thay đổi, thậm chí còn có quan hệ tình cảm trai gái ngoài luồng, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị vô lý nên chị đã bỏ sang sinh sống tại nhà chị gái và chính thức ly thân với anh Vi Văn T từ tháng 02/2024 đến nay. Còn anh Vi Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lành Thị D, việc anh Vi Văn T không đến Tòa án để trình bày ý kiến thể hiện anh Vi Văn T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Vi Văn T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Lành Thị Diễm. Mặc dù, chị Lành Thị D không đưa ra được tài liệu chứng minh về mâu thuẫn gia đình như chị trình bày. Tại Công văn số 475/UBND ngày 14/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã G, Công an xã G cũng xác nhận không nhận được phản ánh, yêu cầu giải quyết vụ việc nào liên quan đến mâu thuẫn, bạo lực gia đình của vợ chồng chị Lành Thị D và anh Vi Văn T, nhưng anh Vi Văn T đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.* Điều đó cho thấy chị Lành Thị D và anh Vi Văn T đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân, nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị Lành Thị D và anh Vi Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lành Thị D, cho chị Lành Thị D được ly hôn với anh Vi Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 và Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017. Hiện nay hai con đang ở với anh Vi Văn T tại thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Lành Thị D có nguyện vọng nuôi cháu Vi Nhã Cát T1, anh Vi Văn

T nuôi cháu Vi Thị Thiên A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Anh Vi Văn T cũng có ý kiến để chị Lành Thị D nuôi cháu Vi Nhã Cát T1, anh nuôi cháu Vi Thị Thiên A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, chị Lành Thị D, anh Vi Văn T đều có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời, yêu cầu của chị Lành Thị D và ý kiến của anh Vi Văn T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi Thị Thiên A. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Lành Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lành Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lành Thị D, cho chị Lành Thị D được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Nhã Cát T1, sinh ngày 20/8/2017 cho chị Lành Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu Vi Thị Thiên A, sinh ngày 10/7/2014 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lành Thị D và anh Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lành Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU23 số 0000798 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 27/3/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lành Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vi Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Cát, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Duyệt